

LUẬN A TỶ ĐÀM TỶ BÀ SA

QUYỂN 33

Chương 2: **KIÊN-ĐỘ SỬ**

Phẩm 2: **MỘT HÀNH**, Phần 3

Sự thối lui có ba thứ:

1. Được, mà thối lui.
2. Không được, mà thối lui.
3. Hành không hiện tiền, mà thối lui.

Được, mà thối lui: Được các công đức thiện mà thối lui.

Không được, mà thối lui: Tất cả chúng sinh, nếu siêng năng vận dụng phương tiện, đều sẽ thích ứng được với tuệ nhãn của bậc Thánh. Vì tham đắm danh, sắc, nên không siêng năng dùng phương tiện. Đó gọi là không được, mà thối lui. Như kệ nói:

*Tất cả trời, người đời
Đều nên được tuệ nhãn
Vì tham đắm danh, sắc
Nên không thấy chân đế.*

Lại như kệ nói:

*Người ngu tiểu, cung kính
Đó gọi là mất lợi
Mất hết các pháp thiện
Đó gọi là Đảnh đọa.*

Đức Thế tôn vì Đề-bà-đạt-đa nên nói kệ này. Đề-bà-đạt-đa đã khởi căn thiện Noãn, không bao lâu sẽ được pháp Đảnh. Trong thời gian đó, vì tham đắm lợi dưỡng, nên lui sụt đối với pháp thiện. Cũng thế gọi là không được mà thối lui.

Hành không hiện tiền, mà thối lui: Đã được pháp thiện, hành không hiện tiền. Như Đức Phật không khởi Bồ-đề của Phật hiện ở trước, Bích-chi Phật không khởi Bồ-đề của Bích-chi Phật hiện ở trước. Thanh văn

không khởi Bồ-đề của Thanh văn hiện ở trước, đó gọi là hành không hiện tiền, mà thối lui.

Hỏi: Trong ba thứ thối này, có bao nhiêu thối là của Phật, có bao nhiêu thối là của Bích-chi Phật, bao nhiêu thối là của Thanh văn?

Đáp: Phật có một thứ thối lui, là hành không hiện tiền, mà thối lui. Tức vốn được pháp thiện, vì hành không hiện tiền, nên đều thối lui. Vì sao? Vì trong tất cả chúng sinh đều được căn vượt hơn, nên không bị thối lui. Vì sao? Vì chẳng phải pháp thối chuyển.

Bích-chi Phật có hai thứ thối lui:

1. Không được, mà thối lui.
2. Hành không hiện tiền, mà thối lui.

Không được mà thối lui: Là không được căn Phật.

Hành không hiện tiền, mà thối lui: Nghĩa là vốn được pháp thiện, vì hành không hiện tiền nên.

Không được thối lui, vì chẳng phải thối pháp.

Thanh văn là phi thời giải thoát, có hai thứ thối lui:

1. Không được, mà thối lui.
2. Hành không hiện tiền, mà thối lui.

Không được, mà thối lui: Là không được căn của Phật, Bích-chi Phật.

Hành không hiện tiền, mà thối lui: Vốn được pháp thiện, vì hành không hiện tiền.

Không được thối lui: Vì chẳng phải thối pháp. A-la-hán thời giải thoát có ba thứ thối lui:

1. Được, mà thối lui: Trước đã được pháp thiện mà thối lui.
2. Không được, mà thối lui: Không được ba thứ căn.
3. Hành không hiện tiền, mà thối lui: Trước đã được pháp thiện, hành không hiện tiền.

Lại có thuyết nói: Phật, Thế tôn không có ba thứ thối lui:

1. Không được, mà thối lui: Vì chẳng phải thối pháp.
2. Đều được, mà thối lui: Vì trụ ở căn tối thắng trong tất cả chúng sinh.

3. Không có hành hiện tiền, mà thối lui: Vì sao? Vì Đức Phật đã chứa nhóm các khổ hạnh khó làm ở trong vô số A-tăng-kỳ kiếp, đều muốn vì chúng sinh giảng nói pháp, nên không khi nào không vì chúng sinh.

Bích-chi Phật có một thứ thối lui: Là trước đã được pháp thiện, hành không hiện tiền. Không được, mà thối lui, vì chẳng phải thối pháp.

Đều được, mà thối lui: Nếu đối với Bích-chi Phật căn đã nhất định, không mong cầu căn Phật.

A-la-hán phi thời giải thoát có một thứ thối lui: Trước đã được pháp thiện, hành không hiện tiền. Không được, mà thối lui: Vì chẳng phải thối pháp. Đều được, mà thối lui: Nếu đối với căn của phi thời giải thoát đã định, sẽ không cầu căn của Bích-chi Phật, Phật.

Thời giải thoát có hai thứ thối lui:

1. Được, mà thối lui: Trước đã được pháp thiện mà thối lui.

2. Hành không hiện tiền, mà thối lui: Trước được pháp thiện, hành không hiện tiền. Đều được, mà thối lui: Nếu đối với căn của thời giải thoát đã quyết định sẽ không mong cầu ba thứ căn trên.

Lời bình: Nên nói rằng: Phật, Thế tôn có một thứ thối lui, nghĩa là hành không hiện tiền, mà thối lui. Bích-chi Phật có hai thứ thối lui: Hành không hiện tiền, mà thối lui. Không được, mà thối lui. A-la-hán phi thời giải thoát cũng giống như thế.

A-la-hán thời giải thoát có ba thứ thối lui: Được, mà thối lui. Hành không hiện tiền, mà thối lui và không được, mà thối lui.

Hỏi: Làm sao biết được Phật, Thế tôn có hành không hiện tiền, mà thối lui?

Đáp: Vì dựa vào kinh Phật, nên biết. Kinh nói: Phật bảo Tôn giả A-nan: Như lai có bốn thứ tâm tăng thượng, thọ nhận hiện pháp lạc, đối với bốn tâm này xoay vần có thối lui. Như khi các đệ tử nhóm họp, vì họ giảng nói pháp. Nếu pháp bất động, tâm được giải thoát, thân tác chứng thì không nói có thối lui.

Hỏi: Trong đây, vì nói hành hiện tiền thối lui hay nói được, mà thối lui? Nếu nói là hành hiện tiền thối lui, thì pháp bất động, tâm được giải thoát, lẽ ra cũng có thối lui. Vì sao? Vì không thể nào trong tất cả thời gian đều khiến cho pháp bất động, thường hiện ở trước. Nếu nói được mà thối lui, thì bốn thứ tâm tăng thượng lẽ ra cũng không thối lui. Vì sao? Vì Như lai là pháp bất thối.

Nếu luận như thế, là hành không hiện tiền, mà thối lui.

Hỏi: Nếu vậy thì pháp bất động tâm được giải thoát, lẽ ra cũng phải có thối lui?

Đáp: Pháp bất động, tâm được giải thoát, nghĩa là vì chứng đắc là vượt hơn. Nếu chứng đắc pháp kia thì không còn tạo ra tâm tăng thượng, do hành hiện tiền là vượt hơn, nếu không hiện ở trước thì nói là thối lui.

Lại có thuyết nói: Nếu dựa vào thiên Vị chí, là nói pháp bất động.

Nếu dựa vào thiền cội gốc, là nói tâm tăng thượng. Như lai dựa vào vị lai, hiện ở trước nhiều. Nếu đang ăn, hoặc ăn xong, lúc vì người khác nói pháp, nói pháp rồi, muốn nhập định. Mặc dù Như lai nhanh chóng đối với thiền định, nhanh chóng đối với thiền Vị chí, nhưng hơn hết là thiền cội gốc, giống như người đi nhanh, nhanh chóng về cách đi, nhưng nhanh với chỗ gần, vượt hơn nhanh với chỗ xa.

Lại nữa, lợi ích cho mình là nói tâm tăng thượng. Đem lại lợi ích cho người là nói tâm bất động. Như lai làm lợi ích cho người khác nhiều, lợi ích mình ít.

Lại nữa, từ bi là nói tâm bất động, hỷ xả là nói tâm tăng thượng. Như lai thường khởi từ bi, ít khởi hỷ, xả

Lại nữa, đại bi là nói bất động, đại xả là nói tâm tăng thượng. Như lai thường khởi tâm đại bi, ít khởi đại xả.

Tôn giả Cù-sa nói: Dứt hẳn tất cả kiết, là nói bất động, Như lai thì bất cứ lúc nào tâm từ bi của Ngài cũng được hiện ở trước.

Hỏi: Nếu Phật, Thế tôn có hành hiện tiền mà thối lui, có hành không hiện tiền, mà thối lui, Phật nhiều, Bích-chi Phật nhiều, Thanh văn có nhiều không?

Đáp: Hành không hiện tiền của Như lai, thối lui nhiều, chẳng phải Thanh văn, Bích-chi Phật. Vì sao? Vì nếu Như lai trong khoảng một sát-na, hành không hiện tiền mà thối lui sẽ vượt hơn Bích-chi Phật, Thanh văn suốt đời thối lui, vì Như lai có pháp uẩn sáng sủa, sâu rộng vô biên. Ví như vua trị vì bốn châu thiên hạ là Chuyển luân Thánh vương, nếu lìa quốc độ của mình trong một ngày, thì vượt hơn tiểu vương xa lìa quốc độ của mình suốt cả đời.

Kiên-độ Định nói rằng: Vì sao quả A-la-hán thối lui, quả A-na-hàm thối lui, quả Tư-đà-hàm thối lui chẳng phải quả Tu-đà-hoàn?

Đáp: Tức văn của Kiên-độ Định kia nói: Pháp, bị dứt trừ của kiến đế duyên với vô sở hữu.

Duyên với vô sở hữu là thế nào? Nhân không có pháp khởi.

Nhân không có pháp khởi là sao? Nhân nơi ngã khởi. Trong nghĩa thật thì không có ngã. Pháp, bị tu đạo dứt trừ duyên với pháp hữu.

Thế nào là duyên với pháp hữu?

Đáp: Vì có khởi.

Hỏi: Thế nào là vì có khởi?

Đáp: Vì nhân tịnh, nên tịnh có chút tịnh. Như tóc, móng tay, răng, môi, với hình sắc tịnh, đồng quán pháp này, vì tạo ra tướng tịnh, nên đối với pháp bất tịnh thì thối lui. Không có phần ít của pháp là ngã, ngã sở

mà chấp ở ngã. Lúc quán pháp này, không có đối với pháp vô ngã, mà thối lui, cho nên không thối lui.

Lại nữa, dứt bỏ phiền não, chỗ dứt của kiến đạo ba cõi, gọi là quả Tu-đà-hoàn, không có công năng thối lui phiền não, chỗ bị dứt trừ của kiến đạo ba cõi, gọi là quả là quả Tu-đà-hoàn.

Lại nữa, dứt bỏ phiền não, do kiến đạo dứt nơi Phi tướng Phi phi tướng xứ, gọi là quả Tu-đà-hoàn, không có công năng thối lui phiền não, do kiến đạo dứt nơi Phi tướng Phi phi tướng xứ.

Đây là nhân luận sinh luận, vì sao không có công năng thối lui phiền não, do kiến đạo dứt nơi Phi tướng Phi phi tướng xứ?

Đáp: Vì phiền não của Phi tướng Phi phi tướng xứ rất khó dứt, khó phá, khó vượt qua. Vì khó dứt, khó phá, khó vượt qua, nên lại khiến cho chúng nối tiếp nhau cũng khó.

Lại nữa, dùng nhân làm đối trị dứt, duyên phiền não của vô sở hữu, gọi là quả Tu-đà-hoàn, không có thối lui nhân, làm đối trị dứt, duyên phiền não của vô sở hữu.

Lại nữa, do kiến đạo có thể tiến đến quả Tu-đà-hoàn, không người nào có thể thối lui kiến đạo.

Cũng thế nhân luận sinh luận, vì sao không người nào có khả năng thối lui kiến đạo?

Đáp: Kiến đạo là đạo nhanh chóng. Người không khởi đạo, sẽ không có thể lực khởi đạo kia.

Lại nữa, hành giả nhập kiến đạo, đó gọi là nhập vào dòng pháp lớn của sông pháp lớn, còn không thể khởi tâm thiện, vô ký không ẩn một hiện ở trước, hướng chi là tâm nhiễm ô. Ví như người rơi từ trên núi xuống chỗ dòng chảy xiết của sông, khe suối, cũng không thể dựa vào bờ bên kia, bên này, hướng chi là lợi qua được. Nhập kiến đạo kia cũng giống như thế.

Lại nữa, kiến đạo là pháp đối trị, do kiến đạo ba cõi dứt, không người nào làm thối lui phiền não do kiến đạo dứt trừ trong ba cõi.

Lại nữa, kiến đạo là pháp đối trị, do kiến đạo dứt nơi Phi tướng Phi phi tướng xứ, không người nào có thể làm thối lui phiền não của Phi tướng Phi phi tướng xứ.

Lại nữa, kiến đạo là đối trị của nhân dứt, duyên của phiền não vô sở hữu, không ai có thể thối lui Nhân làm đối trị dứt, duyên theo phiền não của vô sở hữu.

Hỏi: Nếu thối lui quả A-la-hán, khi trụ quả Tu-đà-hoàn, nên nói là thối lui quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm hay không?

Đáp: Nên nói là thối lui. Ví như người bị rơi từ lầu ba xuống đất, nên nói người này rơi từ lầu ba xuống. Sự thối lui quả A-la-hán cũng giống như thế.

Hỏi: Hai quả Sa-môn kia vốn không thành tựu, vì sao nói thối lui?

Đáp: Vì không thành tựu, lại không thành tựu.

Vì không thành tựu, lại không thành tựu là sao?

Đáp: Vì xưa đã xa, nay lại xa.

Lại nữa, vì đã dứt bỏ ngằn ấy kiết, nên gọi là quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm. Vì thối lui kiết, nên quả cũng gọi là thối lui.

Lại nữa, các phiền não lấy quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm làm đối trị, phiền não kia vốn được tạo thành, vì tạo thành phiền não nên đối trị phiền não kia, gọi là thối lui.

Lại nữa, vì đạo vô ngại, giải thoát có thể dẫn đến quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, nên đối với quả thối của đạo kia cũng gọi là thối lui.

Lại nữa, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm là nhân của quả A-la-hán. Quả A-la-hán nếu thối lui quả kia, thì nhân cũng gọi là thối lui.

Hỏi: Quả Tu-đà-hoàn cũng là nhân của quả A-la-hán, quả A-la-hán cũng là quả của quả Tu-đà-hoàn kia. Vì sao lúc thối lui quả A-la-hán kia không thối lui nhân?

Đáp: Vì trước quả Tu-đà-hoàn lại không có quả nào khác. Nếu khi thối lui quả Tu-đà-hoàn kia thì lại không có trú xứ. Hoặc là người đang thối lui quả Tu-đà-hoàn vốn là người đã kiến đế, hiện nay chẳng phải kiến đế, xưa là đắc quả, nay chẳng phải đắc quả, xưa là quyết định, nay chẳng phải quyết định, xưa là bậc Thánh, nay chẳng phải bậc Thánh.

Vì muốn cho không có lỗi như thế, nên nói quả Tu-đà-hoàn không thối lui.

Quả Sa-môn, cội gốc thối lui thì không qua đời, trung gian của quả thối lui thì qua đời.

Hỏi: Vì sao quả Sa-môn, cội gốc sự thối lui thì qua đời?

Đáp: Vì dễ thấy, dễ lập bày: Đây là quả Tu-đà-hoàn, cho đến nói đây là quả A-la-hán, quả trung gian không dễ thấy, không dễ lập bày.

Lại nữa, hành giả, lúc này đối với quả, cảm thấy rất vui vẻ, hài lòng. Ví như nhà nông, sau nghiệp vụ canh tác ruộng nương trong sáu tháng sẽ thu hoạch hạt lúa chắc, chứa nhóm trong sân, kho, lòng cảm thấy vui vẻ, vừa ý. Quả Tu-đà-hoàn kia cũng thế.

Lại nữa, lúc này có ba việc:

1. Được đạo không hề được.

2. Bỏ đạo từng được.
3. Dứt bỏ phiền não đồng một vị.

Lại nữa, lúc này có năm việc:

1. Được đạo không hề được.
2. Bỏ đạo đã từng được.
3. Dứt phiền não đồng một vị.
4. Được ngay tám trí.
5. Tu mười sáu hành.

Lại nữa, lúc này là chỗ nghỉ ngơi, nơi nghỉ ngơi hơn.

Lại nữa, lúc này dứt trừ kiết các việc thành, đạo phương tiện, phương tiện hoàn thành. Sự dứt trừ kiết của quả trung gian chưa thành xong, đạo phương tiện chưa thành tựu.

Lại nữa, lúc này, chấp nhận rộng tu đạo, quả trung gian không chấp nhận rộng tu đạo.

Lại nữa, hành giả lúc này khéo nhận biết công đức, lỗi xấu. Biết công đức là đạo, quả đạo. Biết lỗi xấu là pháp sinh tử.

Lại nữa, hành giả ở lúc này khéo nhận lấy về tướng mạo. Như người lúc đi giữa đường, không thể nhớ lấy tướng mạo của bốn phương. Nếu ngồi ở một chỗ thì có thể khéo ghi nhớ tướng mạo của bốn phương. Hành giả kia cũng giống như thế.

Lại nữa, lúc này hành giả có kẻ theo hầu thấy biết. Giống như có người đến giữa thôn xóm, bị kẻ cướp giựt không có người theo hầu thấy biết. Nếu ở ngay trong thôn mà bị cướp giựt thì có nhiều người theo hầu thấy biết.

Lại nữa, lúc này, hành giả trước rộng tu đạo phương tiện, chỗ chân đứng bền chắc là quả Tu-đà-hoàn.

Người rộng tu đạo phương tiện, trước vì giải thoát, nên tu bố thí, giữ giới, văn tuệ, tu tuệ, Noãn, Đảnh, Nhẫn, pháp Thế đệ nhất và mười lăm khoảnh tâm trong kiến đạo.

Quả Tư-đà-hàm rộng tu đạo phương tiện: Như trên đã nói: Các điều thiện, lại còn có việc chưa từng có, nghĩa là lìa dục cõi Dục, tu đạo phương tiện, sáu đạo vô ngại, năm đạo giải thoát.

Quả A-na-hàm rộng tu đạo phương tiện: Như trên đã nói: Các việc thiện, lại có pháp không hề có, nghĩa là khi lìa ái dục, tu đạo phương tiện, ba đạo vô ngại, hai đạo giải thoát.

Quả A-la-hán rộng tu đạo phương tiện: Như trên đã nói: Các việc thiện, lại còn có pháp không hề có, nghĩa là khi lìa dục của Sơ thiên, tu đạo phương tiện, chín đạo vô ngại, chín đạo giải thoát, cho đến lìa dục

của Vô sở hữu xứ, nói cũng giống như thế. Khi lìa dục của Phi tướng Phi phi tướng xứ, chính là đã tu các đạo phương tiện, chín đạo vô ngại và tám đạo giải thoát.

Lại nữa, lúc này, hành giả đã dứt bỏ tất cả phần sinh, dừng tất cả phần sinh. Tu-đà-hoàn trừ bảy phần sinh cõi Dục, mỗi chỗ sinh cõi Sắc, cõi Vô sắc, trừ một phần sinh, còn tất cả phần sinh khác đều được phi số diệt.

Tư-đà-hàm, trừ hai phần sinh cõi Dục, mỗi chỗ sinh cõi Sắc, cõi Vô sắc, trừ một phần sinh, tất cả phần sinh còn lại đều được phi số diệt.

Mỗi nơi sinh ở cõi Sắc, cõi Vô sắc của A-na-hàm đều trừ một phần sinh, tất cả phần sinh còn lại đều được phi số diệt.

Tất cả phần sinh của A-la-hán đều được phi số diệt.

Lại nữa, lúc này, hành giả đã dứt phiền não, chứng ngay kiến đạo, tu đạo của ba cõi. Tu-đà-hoàn chứng ngay kiến đạo của ba cõi đã dứt bỏ phiền não. Tư-đà-hàm chứng ngay kiến đạo của ba cõi đã dứt bỏ phiền não và tu đạo cõi Dục đã dứt trừ sáu thứ phiền não. A-na-hàm chứng ngay kiến đạo ba cõi, đã dứt bỏ phiền não và chín thứ phiền não, do tu đạo dứt cõi Dục. A-la-hán chứng khắc kiến đạo, tu đạo của ba cõi, đã dứt trừ phiền não.

Do những việc v.v... như thế, nên quả Sa-môn cõi gốc thối lui, không qua đời, quả trung gian thì có qua đời, khi đã lìa dục cõi Dục, cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ, đã được chánh quyết định. Nếu thối lui, nghĩa là do thối lui phiền não của địa trên.

Hỏi: Vì sao thối lui phiền não của địa trên mà không thối lui phiền não của địa dưới?

Đáp: Vì phiền não của địa dưới đã bị trừ do hai thứ đối trị, nên không thể sinh lại.

Lại nữa, phiền não của địa trên kia đã dứt rồi, còn có lập lại pháp của kiến đạo rơi vào địa trên, vì còn rơi vào địa trên nên không thể sinh lại. Như người nằm nghỉ dưới đất, núi lớn rơi lên trên, cũng không thể nhúc nhích, hướng chi là có thể đứng dậy.

Lại nữa, kiết của địa trên kia đã dứt rồi, sinh ra trí nhãn, không ai có thể làm thối lui trí nhãn.

Lại nữa, kiết của địa trên kia đã dứt trừ xong, sinh ra pháp trí, tử trí, không có địa nào rớt ráo thối lui pháp trí, tử trí.

Lại nữa, kiết của địa trên đã dứt rồi, sinh ra pháp Thế đệ nhất, không có địa nào thối lui pháp Thế đệ nhất.

Lại nữa, kiết của địa trên đã dứt rồi, sinh ra nhẫn tăng thượng, không có địa nào thối lui nhẫn tăng thượng.

Lại nữa, người phàm phu đã lìa dục cõi Dục, cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ, từ cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, phiền não, bị kiến đạo, tu đạo dứt, tập hợp lại, như cách cắt cỏ, tạo ra chín thứ, dứt trừ cùng lúc. Sau khi đắc quả, về đối trị thối lui, nên nói là kiết đã dứt nên thành tựu kiến đạo chẳng? Nếu đã thành tựu thì sẽ không có bậc Thánh thối lui kiến đạo dứt trừ kiết. Nếu không thành tựu, thì làm sao phiền não đồng một đối trị dứt? Đối với đối trị dứt, hoặc có thành tựu, hoặc không thành tựu, việc này làm sao có thể như vậy?

Sẽ được quả A-la-hán, lúc trụ trong định Kim cương dụ là đã tạo thành phiền não phẩm hạ hạ.

Nếu khi thối lui quả A-la-hán, lại tạo thành phiền não phẩm hạ hạ của Phi tướng Phi phi tướng xứ, thì có thành tựu định Kim cương dụ hay không?

Đáp: Không thành tựu.

Hỏi: Vì sao đang được quả A-la-hán, lúc trụ trong định Kim cương dụ, là đã tạo thành phiền não phẩm hạ hạ. Nếu khi thối chuyển quả A-la-hán, thì tạo thành phiền não phẩm hạ hạ, không thành tựu định Kim cương dụ?

Đáp: Định Kim cương dụ dụng công nhiều, dùng nhiều phương tiện, sau đó mới được. Còn phiền não phẩm hạ hạ không dụng công nhiều, không dùng nhiều phương tiện mà vẫn hiện ở trước.

Lại nữa, định Kim cương dụ, lúc thắng tiến được phiền não phẩm hạ hạ, khi thối mất mới được.

Lại nữa, định Kim cương dụ, lúc thắng tiến thì được, còn phiền não phẩm hạ hạ thì khi thối mất là được.

Lại nữa, định Kim cương dụ không trở ngại cho việc tạo thành phiền não phẩm hạ hạ, chỉ trở ngại việc hiện hành. Còn phiền não phẩm hạ hạ thì trở ngại cho việc thành tựu định Kim cương dụ, gây trở ngại cho hành hiện tiền. Như định Kim cương dụ không trở ngại cho việc tạo thành phiền não phẩm hạ hạ. Cũng thế, trụ trong định Kim cương dụ cũng tạo thành phiền não phẩm hạ hạ. Như phiền não phẩm hạ hạ đã gây trở ngại cho việc thành tựu định Kim cương dụ, cũng trở ngại cho hành hiện tiền.

Cũng thế, trụ ở phiền não phẩm hạ hạ, không thành tựu định Kim cương dụ.

Lại nữa, định Kim cương dụ là đạo vô ngại, không có người trụ

đạo vô ngại, thối lui, cũng không có người thối lui rồi, trụ đạo vô ngại. Hoặc đều trụ đạo giải thoát, đạo thắng tiến mà thối lui, thối lui rồi, trụ trở lại đạo giải thoát và đạo thắng tiến.

Hỏi: Ở xứ nào thối lui?

Đáp: Về giới, nghĩa là ở cõi Dục, chẳng phải cõi Sắc, chẳng phải cõi Vô sắc. Đường, nghĩa là ở đường người, chẳng phải đường khác.

Hỏi: Vì sao trong sáu tầng trời cõi Dục không có sự thối lui?

Đáp: Vì xứ kia không có thối lui đủ.

Hỏi: Xứ kia chẳng phải không nhiều các thối lui đủ?

Đáp: Trong kinh Phật nói thối lui đủ, trong sáu tầng trời cõi Dục kia không có. Tuy nhiên, chư thiên đắc quả, đa số là người căn tánh nhạy bén, người căn tánh nhạy bén thì không thối lui.

Hỏi: Nếu người căn tánh chậm lụt thì sẽ được quả trong loài người. Về sau, sinh lên sáu tầng trời cõi Dục, rồi có thối lui ở cõi đó hay không?

Đáp: Không thối lui. Vì sao? Vì bậc Thánh đổi đời, không thối, không chuyển căn, bất sinh lên cõi Sắc, cõi Vô sắc. Vì sao? Vì Thánh đạo ở trong thân bậc Thánh kia, chỗ ở cũ bền chắc.

Hỏi: Loại người nào thối lui, loại người nào không thối lui?

Đáp: Hoặc có người tin ở người khác, theo người khác. Hoặc có người tự tin, tự mong muốn. Nếu tin người khác, theo người khác, nhập Thánh đạo rồi thối lui, thì người tự tin, tự muốn vào Thánh đạo không thối lui.

Lại nữa, hoặc có người có sức của nhân rộng, sức phương tiện rộng, sức không buông lung rộng. Hoặc có người không như thế. Nếu rộng thì không thối lui, không như thế thì thối lui.

Lại nữa, hoặc có người do niềm tin mà nhập vào Thánh đạo, hoặc có người do tuệ nhập đạo Thánh. Nếu là người do đức tin nhập Thánh đạo, rồi thối lui. Hoặc là người do tuệ nhập vào Thánh đạo, không thối lui. Như do niềm tin, do tuệ, do Xa-ma-tha (Chỉ), Tỳ-bà-xá-na (Quán) có thể là định, có thể là tuệ, tu định, tu tuệ, được định, được tuệ, được định nội tâm, không được tuệ, được tuệ, không được định nội tâm. Trụ trong pháp Kiên tín, trụ trong pháp Kiên pháp, căn tánh chậm lụt, căn tánh nhạy bén, sức của duyên, sức của nhân, sức của chi nội, sức của chi ngoại, chánh tư duy bên trong, từ người khác nghe pháp, nên biết cũng giống như thế.

Lại nữa, hoặc có người không tham nhiều, hoặc có người không ngu nhiều. Kẻ không tham nhiều thì thối lui, người không ngu nhiều

không thối lui.

Lại nữa, hoặc có người tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, hoặc có người tâm khéo giải thoát, tuệ không khéo giải thoát. Nếu là người tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, thì sẽ không thối lui. Nếu là người tâm khéo giải thoát, tuệ không khéo giải thoát, thì thối lui.

Hỏi: Sự thối lui trải qua bao nhiêu thời gian?

Đáp: Trải qua một chút thời gian không bao lâu, cho đến không tự biết thối lui. Nếu tự biết thối lui thì sẽ tu đạo thẳng tiến, đạo phương tiện.

Lại nữa, lúc phiền não kia hiện ở trước, vì tâm sanh ra xấu hổ, nên nhanh chóng tu phương tiện, như người mất sáng ban ngày ở chỗ đất bằng phẳng mà bị ngã nghiêng, lập tức đứng dậy trở lại, ngắm nhìn lại bốn phương, không có người thấy ta chẳng?

Cũng thế, lúc hành giả khởi phiền não, tâm cảm thấy hổ thẹn. Nếu Phật, hoặc đệ tử Phật, hoặc các người hiền thiện, thì sẽ không có ai thấy ta chẳng?

Lại nữa, lúc phiền não kia hiện ở trước, thì thân tâm sinh nóng nảy, bứt rứt. Vì muốn cho phiền não nóng bức nhanh chóng được tan biến, nên liền tu phương tiện. Cũng như người thân thể mềm mại, chỉ một tàn lửa nhỏ rơi trúng, liền phải bỏ. Phiền não kia cũng giống như thế.

Lại nữa, do phiền não hôi hám, cấu uế ở thân, không thể chịu nổi, nên liền tu phương tiện, giống như người ưa sạch, có một chút vật bất tịnh rơi vào thân mình, liền phải bỏ, phiền não kia cũng giống như thế. Lại có thuyết nói: Việc này không nhất định, hoặc có người từ lâu, cho đến khiến căn bén nhạy, Tín giải thoát là Kiến đạo, sau đó được quả A-la-hán.

Hỏi: Nếu thối lui quả A-la-hán rồi, là điều A-la-hán không nên làm, người kia có nên làm chẳng? Thối lui quả A-na-hàm, Tư-đà-hàm rồi là điều A-na-hàm, Tư-đà-hàm không nên làm, thì người kia có làm chẳng?

Đáp: Không làm. Vì sao? Vì việc làm và hành vi của người đắc quả khác hẳn với phàm phu.

A-la-hán có sáu loại:

1. Thối pháp.
2. Pháp nhớ nghĩ nghĩ.
3. Pháp hộ trì.
4. Pháp cùng trụ.

5. Pháp có thể tiến tới.

6. Pháp bất động.

Thối pháp: Sự thối lui. Pháp nhớ nghĩ: Tâm sinh nhằm chán, cầm dao định hại mình. Pháp hộ: Đối với sự giải thoát của mình, tâm cảm thấy yêu thích khéo gìn giữ. Cùng trụ: Không lùi, không tiến. Có thể tiến tới: Có thể tiến tới bất động. Bất động: Trụ nơi căn bất động.

Hỏi: A-la-hán thối pháp, hẳn là thối lui chẳng? Pháp nhớ nghĩ, tất nhiên là pháp ký ức? Pháp hộ: phải gìn giữ pháp? Cùng trụ: Phải trụ bằng nhau? Có thể tiến tới: Tất nhiên có thể tiến đến bất động?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Pháp thối tất nhiên thối lui, cho đến có thể tiến tới, tất nhiên có thể tiến đến bất động.

Do việc này nên gọi là thối lui, cho đến gọi là có thể tiến tới. Nếu nói như thế: Pháp thối tất phải lùi, cho đến có thể tiến tới thì có thể tiến tới.

Do có sáu việc trên, nên A-la-hán có sáu, cõi Dục có sáu, cõi Sắc, cõi Vô sắc có hai, đó là đẳng trụ và bất động. Nếu nói như thế: A-la-hán pháp thối, không hẳn là thối lui, cho đến pháp có thể tiến tới, không hẳn có thể tiến đến bất động.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao gọi là thối lui? Cho đến gọi là có thể tiến tới?

Đáp: A-la-hán thối lui, không hẳn thối lui, vì nếu thối lui là tánh thối lui, cho đến có thể tiến tới, không hẳn có thể tiến tới, vì nếu có thể tiến tới là tánh có thể tiến tới. Nếu nói rằng: Pháp thối nghĩa là không hẳn thối, cho đến có thể tiến tới, không hẳn có thể tiến tới.

Do có sáu tánh, nên có sáu hạng A-la-hán, nói như thế nghĩa là cõi Dục có sáu loại, cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng có sáu loại.

Hỏi: Vì sao lập sáu loại A-la-hán?

Đáp: Vì căn.

Hỏi: Căn có chín loại: Thượng thượng, đến hạ hạ. Trước nói A-la-hán có sáu hạng, sau Vì căn nên nói A-la-hán có chín hạng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: A-la-hán thối pháp, thành tựu hai thứ căn: hạ hạ, hạ trung. Pháp nhớ nghĩ thành tựu căn hạ thượng. Pháp hộ thành tựu căn trung hạ. Pháp cùng trụ thành tựu căn trung trung. Pháp có thể tiến tới thành tựu căn trung thượng. Pháp bất động thành tựu căn thượng hạ. Bích-chi Phật thành tựu căn thượng trung. Phật thành tựu căn thượng thượng.

Người kia không nên nói rằng: Không có một người nào thành tựu hai thứ căn. Người căn tánh nhạy bén còn không thể, huống chi là căn

tánh chậm lụt.

Lời bình: Nên nói rằng: A-la-hán pháp thối thành tựu căn hạ hạ. Pháp nhớ nghĩ: nghĩ là hạ trung. Pháp hộ: là hạ thượng. Pháp cùng trụ: là trung hạ. Pháp có thể tiến tới: trung trung.

Bất động có hai hạng: Có hạng từ thời giải thoát đến Bất động: Có tánh Bất động. Từ thời giải thoát đến bất động, bản tánh của trung thượng. Bất động, là thượng hạ. Bích-chi Phật là thượng trung. Phật là thượng thượng.

A-la-hán pháp thối tạo ra một việc, chỉ là thối lui. A-la-hán pháp nhớ nghĩ nghĩ tạo ra hai việc là thối pháp và pháp nhớ nghĩ nghĩ. A-la-hán pháp hộ tạo ra việc: Thối pháp, pháp nhớ nghĩ nghĩ, pháp hộ, pháp cùng trụ. A-la-hán có thể tiến tới tạo ra năm việc: Thối pháp, pháp nhớ nghĩ nghĩ, pháp hộ, pháp cùng trụ, pháp có thể tiến tới.

Lại có thuyết nói: A-la-hán pháp thối có ba việc:

1. Thối lui trụ căn Hữu học.
2. Chuyển đến căn cao hơn.
3. Tức trụ nhập Niết-bàn.

A-la-hán pháp nhớ nghĩ nghĩ có bốn việc:

1. Thối lui trụ căn Hữu học.
2. Thối lui trụ trong căn của thối pháp.
3. Chuyển đến căn cao hơn.
4. Tức trụ nhập Niết-bàn.

A-la-hán pháp hộ có Năm việc:

1. Thối lui trụ căn Hữu học.
2. Thối lui trụ nơi căn của thối pháp.
3. Thối lui trụ trong pháp nhớ nghĩ.
4. Chuyển đến căn cao hơn.
5. Tức trụ nhập Niết-bàn.

A-la-hán pháp cùng trụ có sáu việc:

1. Thối lui trụ căn Hữu học.
2. Thối lui trụ trong căn của thối pháp.
3. Thối lui trụ trong pháp nhớ nghĩ.
4. Thối lui trụ trong pháp hộ.
5. Chuyển đến căn cao hơn.
6. Tức trụ nhập Niết-bàn.

A-la-hán pháp có thể tiến tới có bảy việc:

1. Thối lui trụ căn Hữu học.
2. Thối lui trụ trong căn của thối pháp.

3. Thối lui trụ trong pháp nhớ nghĩ.
4. Thối lui trụ trong pháp hộ.
5. Thối lui trụ trong pháp cùng trụ.
6. Chuyển đến pháp bất động.
7. Tức trụ nhập Niết-bàn.

Hỏi: A-la-hán pháp nhớ nghĩ, thối lui trụ căn Hữu học, vì được căn Hữu học nào, hay được căn Hữu học của thối pháp, hay được căn Hữu học của pháp nhớ nghĩ?

Đáp: Vì được căn Hữu học của thối pháp, chẳng phải căn Hữu học của pháp nhớ nghĩ. Vì sao? Vì A-la-hán kia không hề được căn Hữu học của pháp nhớ nghĩ. Nếu đã được thì gọi là tiến, không gọi là thối. Trong kinh Thế tôn nói: Tôn giả Cù-hê-ca là A-la-hán thời giải thoát đã sáu lần thối trở lại. Đến lần trở lại thứ bảy được thân tác chứng của thời giải thoát, đã dùng dao tự sát mà chết.

Hỏi: Tôn giả Cù-hê-ca là tánh của pháp thối hay tánh của pháp nhớ nghĩ? Nếu là tánh của pháp thối, thì vì sao dùng dao tự sát? Nếu là tánh của pháp nhớ nghĩ, thì vì sao lại phải sáu lần thối trở lại?

Đáp: Nên nói như vậy: là tánh của thối pháp.

Hỏi: Vì sao dùng dao tự sát?

Đáp: Vì nhầm chán bệnh thối lui, nên dùng dao tự sát. Nếu không thối lui mà dùng dao tự sát là pháp nhớ nghĩ.

Hỏi: Đạo đáng dùng để dứt kiết cội Dục, khi thối lui đạo kia, có đắc được kiết kia trở lại hay không?

Đáp: lại đắc được của kiết kia. Các kiết dứt khi lìa được dục, lúc thối lui, lại đắc được kiết kia.

Hỏi: Đã có thể dùng đạo để dứt kiết cội Sắc, cội Vô sắc, lúc thối lui đạo kia, lại đắc được kiết kia không?

Đáp: lại đắc được kiết kia. Các kiết được dứt khi lìa dục, lúc thối lui, lại đắc được kiết kia.

Hỏi: Đã có thể dùng đạo để dứt trừ kiết, không thối lui đối với đạo kia, đã có thể dùng đạo thối lui, đạo đó không thể dứt trừ kiết, chỉ đạo vô ngại mới có thể dứt trừ kiết. Không người nào thối lui đạo vô ngại, trụ đạo giải thoát thối lui. Không có ai dùng đạo giải thoát để dứt trừ kiết, vì soạn ra thuyết này: Đã có thể dùng đạo để dứt trừ kiết cội Dục, khi thối lui đạo kia, lại đắc được kiết kia, nói rộng như trên?

Đáp: Đạo vô ngại là nhân của đạo giải thoát, đạo giải thoát là quả của đạo vô ngại. Nếu khi đối với quả thối lui, thì cũng phải nói là nhân thối lui.

Lại nữa, dùng đạo vô ngại để đối trị phiền não. Nếu khi phiền não kia tạo thành, thì cũng nên nói là thối lui đạo đối trị kia.

Lại nữa, vì phiền não, nên lập đạo vô ngại dứt phiền não. Nếu khi phiền não tạo thành, cũng nên nói là thối lui đạo vô ngại kia.

Tôn giả tăng-già-bà-tu nói: Trụ đạo vô ngại thối lui, trụ đạo giải thoát cũng thối lui. Vì sao? Vì dứt năm thứ kiết. Khi Tu-đà-hoàn thối lui, điều đó chẳng phải thối lui năm đạo vô ngại, năm đạo giải thoát.

Lời bình: Nên nói rằng: Không có ai trụ đạo vô ngại, thối lui, thối lui rồi, lại trụ đạo vô ngại, thối lui đạo giải thoát, lại trụ đạo giải thoát.

Chín trí dứt, kiết, chỗ dứt trừ của khổ, tập lệ thuộc cõi Dục, dứt một dứt. Trí biết kiết, chỗ dứt trừ của khổ, tập ở cõi Sắc, cõi Vô sắc, dứt hai dứt. Trí biết kiết, chỗ dứt trừ của kiến diệt cõi Dục, dứt ba dứt. Trí biết kiết, chỗ dứt trừ của kiến diệt cõi Sắc, cõi Vô sắc, dứt bốn dứt. Trí biết kiết, do kiến đạo dứt ở cõi Dục, dứt năm dứt. Trí biết năm kiết, do kiến đạo dứt cõi Sắc, cõi Vô sắc, dứt sáu dứt. Trí biết kiết phần dưới, dứt bảy dứt. Trí biết sắc, ái dứt tám dứt. Trí biết tất cả kiết, dứt chín trí dứt.

Chín trí dứt gồm nhiếp tất cả trí dứt. Tất cả trí dứt gồm nhiếp chín trí dứt, nói rộng như kinh này. Đoạn: Là vô vi.

Hỏi: Nếu dứt là vô vi thì không thể có sở duyên, vì sao dứt kia là trí?

Đáp: Vì dứt là quả của trí nên nói là trí, quả của nghiệp nên nói là nghiệp. Như nói sáu nhập là nghiệp cũ, thiên nhãn, thiên nhĩ là quả của thông, gọi là thông. A-la-hán là quả của trí, nói là trí. Vì quả của trí như thế, nên nói trí dứt.

Hỏi: Nếu vậy, do tu đạo dứt, vì trí dứt, nên là quả trí, có thể nói là trí dứt. Kiết, là chỗ dứt của kiến đạo, do nhân dứt là quả nhân, sao nói là trí dứt?

Đáp: Vì trí dứt kia là quả trí của thế tục, nên nói là trí dứt. Như trước, dùng đạo thế tục để lìa dục cõi Dục, cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ. Kiết bị dứt trong tám địa đã dứt là quả của trí thế tục.

Hỏi: Nếu vậy thì đạo thế tục có thể có chỗ tạo tác, có thể như thế, đạo thế tục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, không thể có chỗ tạo tác. Kiết là do kiến đạo dứt thuộc Phi tưởng Phi phi tưởng xứ dứt là nhân.

Hỏi: Thế nào là trí dứt?

Đáp: Tôn giả tăng-già-bà-tu nói: Đây là quả tuệ, nói là trí dứt. Đoạn có hai thứ:

1. Quả của tuệ. Tôn giả kia không nên nói như thế. Vì sao? Vì kinh

Phật nói hai trí đoạn.

1. Trí biết.

2. Trí dứt.

2. Không nói tuệ dứt.

Lời bình: Nên nói rằng: Trí thật nghĩa là định Kim cương dụ, dứt là quả của trí kia. Vì sao? Vì khi được quả A-la-hán, là đã dùng định Kim cương dụ để dứt kiết, do kiến đạo, tu đạo dứt thuộc ba cõi, chứng ngay giải thoát đắc.

Lại có thuyết nói: Vì từ trong trí chủng sinh, nên gọi là trí dứt. Vì như sinh trong họ Cù-đàm, nên gọi là Cù-đàm. Trí thật nghĩa kia cũng giống như thế.

Lại nữa, tánh tướng của dứt kia là trí dứt. Đoạn kia dù không thể có sở duyên, nhưng tánh, tướng là trí dứt, nên gọi là trí dứt. Như nhãn căn của quá khứ, vị lai dù không thể thấy, mà tánh, tướng là mắt. Trí dứt kia cũng giống như thế.

Tôn giả Cù-sa nói: Nên nói chánh dứt là tối thắng dứt, tương ưng dứt và tất cánh dứt.

Tôn giả Ba-xa nói: Nên nói bỏ dứt. Vì sao? Vì bỏ tất cả sinh tử được dứt này. Đoạn này cũng có thể nói là dứt, cũng có thể nói không có dục, cũng có thể nói là diệt, cũng có thể nói là đế, vừa có thể nói là trí đoạn, vừa có thể nói là quả Sa-môn, vừa có thể nói là Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư. Khổ pháp nhãn diệt, khổ pháp trí sinh, lúc này, dứt kia gọi là dứt, gọi là không có dục, gọi là diệt, gọi là đế. Không gọi là trí dứt, không gọi là quả Sa-môn, không gọi là Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư. Khổ tử nhãn diệt, khổ tử trí sinh, lúc này, dứt kia gọi là dứt, cho đến gọi là đế, không gọi là trí dứt, không gọi là quả Sa-môn, không gọi là Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư. Tập pháp nhãn diệt, tập pháp trí sinh, lúc này dứt kia gọi là dứt, gọi là không có dục, gọi là diệt, gọi là đế, gọi là trí dứt, nói là kiết, chỗ dứt trừ của kiến khổ, kiến tập cõi Dục, đều là trí dứt, không gọi là quả Sa-môn, không gọi là Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư. Tập tử nhãn diệt, tập tử trí sinh, lúc này, dứt kia gọi là dứt, gọi là không có dục, gọi là diệt, gọi là đế, gọi là trí dứt, đều là trí dứt, không gọi là quả Sa-môn, không gọi là Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư. Diệt pháp nhãn diệt, diệt pháp trí sinh, lúc này, dứt kia gọi là dứt, gọi là không có dục, gọi là diệt, gọi là đế, gọi là trí dứt, nghĩa là trí dứt tức kiến diệt đã dứt hết kiết cõi Sắc, cõi Vô sắc, không gọi là quả Sa-môn, không gọi là Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư. Đạo pháp nhãn diệt, đạo pháp trí sinh, lúc này, dứt kia gọi là dứt, gọi là không có

dục, gọi là diệt, gọi là đế, gọi là trí dứt, nghĩa là kiết, do kiến đạo dứt
cõi Dục đều là trí dứt, không gọi là quả Sa-môn, không gọi là Niết-bàn
hữu dư, Niết-bàn vô dư. Đạo tử nhĩ diệt, đạo tử trí sinh, lúc này, gọi
là không có dục, gọi là diệt, gọi là đế, gọi là trí dứt, nghĩa là kiến kiết
cõi Sắc, cõi Vô sắc, đều là trí dứt, gọi là quả Sa-môn, gọi là quả Tu-
đà-hoàn, không gọi là Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư. Lúc này, kiến
khổ, kiến tập, kiến diệt và kiến đạo cõi Dục đã dứt kiết đồng một vị,
chứng ngay giải thoát đắc. Lúc này đoạn gọi là đoạn, gọi là không có
dục, gọi là diệt, gọi là đế, gọi là trí dứt, gọi là quả Sa-môn, nói là quả
Tu-đà-hoàn, không gọi là Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư. Tu-đà-hoàn
sẽ được quả Tư-đà-hàm, dứt một thứ kiết, cho đến năm thứ kiết, lúc
này, dứt kia gọi là dứt, gọi là không có dục, gọi là diệt, gọi là đế, không
gọi là trí dứt, không gọi là quả Sa-môn, không gọi là Niết-bàn hữu dư,
Niết-bàn vô dư. Đạo vô ngại thứ sáu diệt, đạo giải thoát thứ sáu sinh,
lúc này, gọi là không có dục, gọi là diệt, gọi là đế, gọi là trí dứt, nghĩa
là kiến kiết cõi Sắc, cõi Vô sắc, đều là trí dứt, gọi là quả Sa-môn, nghĩa
là quả Tư-đà-hàm, không gọi là Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư. Lúc
này, do kiến đạo dứt ba cõi dứt kia gọi là dứt, gọi là không có dục, gọi
là diệt, gọi là đế, gọi là trí dứt, nghĩa là trí dứt đã được trước kia, gọi là
quả Sa-môn, nghĩa là quả Tư-đà-hàm, không gọi là Niết-bàn hữu dư,
Niết-bàn vô dư. Năm thứ kiết, do tu đạo dứt cõi Dục đồng một vị, chứng
ngay giải thoát đắc, lúc này, dứt kia gọi là dứt, gọi là không có dục, gọi
là diệt, gọi là Đế, không gọi là trí dứt, gọi là quả Sa-môn, nghĩa là quả
Tư-đà-hàm, không gọi là Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư, Tư-đà-hàm
sẽ được quả A-na-hàm. Lúc dứt trừ kiết thứ bảy, thứ tám dứt kia gọi
là dứt, gọi là không có dục, gọi là diệt, gọi là đế, không gọi là trí dứt,
không gọi là quả Sa-môn, không gọi là Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô
dư. Đạo vô ngại thứ chín diệt, đạo giải thoát thứ chín sinh, lúc này, dứt
kia gọi là dứt, gọi là không có dục, gọi là diệt, gọi là đế, không gọi là
trí dứt, nghĩa là trí dứt hết kiết phần dưới, gọi là quả Sa-môn, nghĩa là
quả A-na-hàm, không gọi là Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư. Tức vào
thời gian kia, kiết, do kiến đạo ba cõi dứt và chín thứ kiết, do tu đạo dứt
cõi Dục, đồng một vị, chứng ngay đắc giải thoát. Lúc này, dứt kia không
có dục, gọi là diệt, gọi là đế, gọi là trí dứt, nghĩa là vốn được trí dứt, trí
dứt hết năm kiết phần dưới, gọi là quả Sa-môn, nghĩa là quả A-na-hàm,
không gọi là Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư. Là dục Sơ thiên, dứt
một thứ kiết, cho đến dứt chín thứ kiết, trong lúc này, dứt kia gọi là dứt,
gọi là không có dục, gọi là diệt, gọi là đế, không gọi là trí dứt, không

gọi là quả Sa-môn, không gọi là Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư, cho đến lìa dục của đệ Tứ thiên, dứt một thứ kiết, cho đến dứt tám thứ kiết, nói cũng giống như thế. Đạo vô ngại thứ chín diệt, đạo giải thoát thứ chín sinh, lúc này, dứt kia gọi là dứt, gọi là không có dục, gọi là diệt, gọi là đế, gọi là trí dứt, nghĩa là trí dứt, ái sắc dứt, không gọi là quả Sa-môn, không gọi là Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư. Lìa dục của không xứ, cho đến lìa dục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, dứt tám thứ kiết, lúc này, dứt kia gọi là dứt, gọi là không có dục, gọi là diệt, gọi là đế, không gọi là trí dứt, không gọi là quả Sa-môn, không gọi là Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư. Định Kim cương dục diệt, tận trí ban đầu sinh, lúc này, chín thứ kiết dứt, sự dứt kia được gọi là dứt, gọi là không có dục, gọi là diệt, gọi là đế, gọi là trí dứt, không gọi là quả Sa-môn, không gọi là Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư. Định Kim cương dục, tận trí ban đầu sinh, lúc này, chín thứ kiết dứt, sự dứt kia được gọi là dứt, gọi là không có dục, gọi là diệt, gọi là đế, gọi là trí dứt. Nghĩa là trí dứt tận diệt tất cả kiết, gọi là quả Sa-môn, nghĩa là quả A-la-hán, không gọi là Niết-bàn hữu dư, gọi là Niết-bàn vô dư,

Hỏi: Các dứt là vô vi, vì sao có lúc gọi là trí dứt, có khi lại không gọi là trí dứt?

Đáp: Bảy giờ, hoặc có bốn việc, hoặc có Năm việc, được gọi là trí dứt. Bốn việc là:

1. Trừ bỏ chỗ đều có nhân.
2. Đều có trói buộc, được giải thoát.
3. Được giải thoát đặc vô lậu.
4. Trừ sử nhất thiết biến của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Năm việc là: Tức bốn việc trên.

5. Là lìa hẳn cõi, trong kiến đạo có bốn việc, trong tu đạo có năm việc, khổ pháp nhãn diệt, khổ pháp trí sinh, lúc này không hại đều có nhân. Mặc dù hại chỗ dứt trừ của kiến khổ, nhưng không hại do kiến tập dứt, không đều trói buộc được giải thoát. Mặc dù sự trói buộc chỗ dứt trừ kiến khổ được giải thoát, nhưng do kiến tập dứt không được giải thoát. Mặc dù được giải thoát đặc vô lậu, nhưng không hại sử nhất thiết biến của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Lúc này, chỉ có một sự, không có hai việc, cho nên dứt kia gọi là dứt, không gọi là trí dứt. Khổ tử nhãn diệt, khổ tử trí sinh, lúc này không hại nhân đều có. Mặc dù dứt nhân, do kiến khổ dứt, nhưng không hại nhân, do kiến tập dứt, không dứt đều cùng lệ thuộc, mặc dù đã dứt sự trói buộc, chỗ dứt trừ của kiến khổ, không dứt sự trói buộc, do kiến tập dứt. Mặc dù đã được giải thoát đặc

vô lậu, nhưng không rốt ráo trừ sử nhất thiết biến của Phi tướng Phi phi tướng xứ. Lúc này chỉ có hai việc, không có ba việc, nên dứt kia không gọi là trí dứt. Tập pháp nhãn diệt, tập pháp trí sinh, lúc này trừ bỏ nhân đều có, trước nhân do kiến khổ dứt, nay nhân bị kiến tập dứt được giải thoát, được giải thoát đặc vô lậu, cũng trừ bỏ sử nhất thiết biến của Phi tướng Phi phi tướng xứ. Bảy giờ, được gọi là trí dứt. Tập tử nhãn diệt, tập tử trí sinh, là lúc hại nhân đều có, trước đã hại nhân do kiến khổ dứt. Nay hại nhân do kiến tập dứt, đều trói buộc được giải thoát. Trước sự trói buộc, do kiến tập dứt được giải thoát, nay trói buộc do kiến tập dứt được giải thoát được giải thoát đặc vô lậu, hại sử nhất thiết biến của Phi tướng Phi phi tướng xứ. Lúc này, vì đủ bốn việc, nên dứt kia được gọi là trí dứt. Diệt pháp nhãn diệt, diệt pháp trí sinh, là lúc hại nhân chỗ đều có, trước kia đã hại nhân, do kiến khổ, kiến tập dứt. Nay hại nhân, do kiến diệt dứt, đều trói buộc được giải thoát trước trói buộc do kiến khổ, kiến tập dứt trừ được giải thoát. Nay sự trói buộc, chỗ dứt trừ của kiến diệt được giải thoát, được giải thoát đặc vô lậu, hại sử nhất thiết biến của Phi tướng Phi phi tướng xứ. Vì lúc này có đủ bốn việc, nên dứt kia gọi là trí dứt. Diệt tử nhãn, diệt tử trí sinh, đạo pháp nhãn diệt, đạo pháp trí sinh, đạo tử nhãn diệt, đạo tử trí sinh, nói cũng giống như thế.

Cũng thế, là nói trí dứt của kiến đạo, trong tu đạo có năm việc, gọi là trí dứt, lia một thứ dục cõi Dục, cho đến lia tám thứ dục, là lúc không hại nhân đều có. Mặc dù dứt tám thứ nhân, không dứt nhân phẩm hạ hạ. Vì sao? Vì chín thứ kiết xoay vẫn làm nhân, nên đều trói buộc không được giải thoát. Mặc dù tám thứ trói buộc đều được giải thoát, một thứ trói buộc không được giải thoát. Vì sao? Vì chín thứ kiết xoay vẫn trói buộc nhau. Mặc dù được giải thoát đặc vô lậu, trừ bỏ sử nhất thiết biến của Phi tướng Phi phi tướng xứ, mà không lia hẳn giới, lúc chỉ có hai việc, không có ba việc, cho nên, dứt kia không gọi là trí dứt, dứt trừ kiết thứ chín, lúc trừ bỏ nhân đều có. Trước dứt tám thứ nhân. Nay sự trói buộc phẩm hạ hạ được giải thoát, được giải thoát đặc vô lậu, trừ bỏ sử nhất thiết biến của Phi tướng Phi phi tướng xứ, rất ráo lia cõi, nghĩa là lia cõi Dục, vì là lúc có năm việc, nên dứt kia được gọi là trí dứt, lia dục của Sơ thiên, dứt một thứ kiết, cho đến dứt tám thứ kiết, nói rộng, như khi dứt trừ kiết thứ chín cõi Dục, hại nhân đều có. Trước dứt tám thứ nhân, nay dứt nhân hạ hạ, đều trói buộc được giải thoát, trước Tám thứ trói buộc được giải thoát, nay trói buộc phẩm hạ hạ được giải thoát được giải thoát đặc vô lậu, đã trừ sử nhất thiết biến của Phi tướng Phi phi tướng xứ mà chẳng rốt ráo lia cõi. Lúc này chỉ có bốn việc, không

có năm việc. Cho nên dứt kia không gọi là trí dứt. Thiền thứ hai, thứ ba, nói cũng giống như thế. Lìa dục của đệ Tứ thiền, dứt một thứ kiết, cho đến dứt tám thứ kiết, không hại nhân đều có, đều trói buộc không được giải thoát, tuy đắc giải thoát vô lậu, trừ bỏ sử nhất thiết biến của Phi tướng Phi phi tướng xứ, nhưng rốt ráo không lìa cõi, lúc này chỉ có hai việc, không có ba việc, cho nên dứt kia không gọi là trí dứt. Dứt trừ kiết thứ chín, là lúc dứt trừ nhân đều có, đều trói buộc được giải thoát, được giải thoát đắc vô lậu, trừ bỏ sử nhất thiết biến của Phi tướng Phi phi tướng xứ, rốt ráo lìa cõi, vì lúc này có năm việc, nên dứt kia được gọi là trí dứt diệt tận ái sắc. Như lìa dục Sơ thiền, cho đến lìa dục của Tam thiền, lìa dục của Không xứ, cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ, nói cũng giống như thế. Lìa dục của Phi tướng Phi phi tướng xứ, dứt một thứ kiết, cho đến khi dứt tám thứ kiết, không hại nhân đều có, đều trói buộc không được giải thoát. Mặc dù được giải thoát đắc vô lậu, đã hai sử nhất thiết biến của Phi tướng Phi phi tướng xứ, mà không rốt ráo lìa cõi, lúc này chỉ có hai việc mà không có ba việc, cho nên dứt kia không gọi là trí dứt. Đoạn trừ kiết thứ chín, là lúc hại nhân đều có, đều trói buộc được giải thoát, được giải thoát đắc vô lậu, trừ sử nhất thiết biến của Phi tướng Phi phi tướng xứ, rốt ráo lìa cõi, vì lúc này có năm việc, nên dứt kia được gọi là trí dứt, nghĩa là trí dứt hết tất cả kiết.

Hỏi: Vì lìa ái, do tu đạo dứt Tứ thiền, gọi là trí dứt, hay là chỉ lìa ái, do tu đạo dứt đệ Tứ thiền?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì lìa chín thứ ái của Tứ thiền, gọi là trí dứt.

Lại có thuyết nói: Vì chỉ lìa thứ ái hạ hạ của đệ Tứ thiền, gọi là trí dứt.

Lời bình: Nên nói rằng: Vì lìa tất cả ái do tu đạo cõi Sắc dứt trừ, gọi là trí dứt. Vì sao? Vì nếu lìa ái hạ hạ của đệ Tứ thiền, thì tất cả ái mà tu đạo đã dứt hết, mới được gọi là trí dứt.

Hỏi: Pháp dứt là pháp vượt hơn hết, vì sao hai dứt được chứng chung, nghĩa là thời gian của quả A-na-hàm, A-la-hán?

Đáp: Vì hai lúc này rốt ráo lìa cõi, mà cũng đắc quả, khi đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Từ-đà-hàm, tuy đắc quả mà không rốt ráo lìa cõi, lìa dục của đệ Tứ thiền, dù rốt ráo lìa cõi, mà chẳng phải đắc quả, khi chứng đắc quả A-na-hàm, là rốt ráo lìa quả, nghĩa là lìa dục cõi Dục, được quả, được quả A-na-hàm, được quả A-la-hán, là rốt ráo lìa cõi, nghĩa là lìa cõi Vô sắc được quả, được quả A-la-hán.

Lại nữa, lúc này rốt ráo lìa cõi, dứt trừ kiết phần dưới, phần trên.

Lúc được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm không rớt ráo lia cỡi, không dứt trừ kiết phần dưới, phần trên. Khi lia ái sắc, dù rớt ráo lia cỡi, nghĩa là thời gian lia cỡi Sắc, không rớt ráo dứt trừ kiết phần trên, được quả A-na-hàm. Rớt ráo lia cỡi, nghĩa là lia dục cỡi Dục, rớt ráo dứt trừ kiết phần dưới. Lúc được quả A-la-hán, là rớt ráo lia cỡi, nghĩa là lia cỡi Vô sắc, rớt ráo dứt trừ kiết phần trên.

Lại nữa, lúc này rớt ráo lia cỡi, rớt ráo dứt phiền não bất thiện, vô ký là thời gian được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm. Không rớt ráo lia cỡi, cũng là lúc không rớt ráo dứt phiền não bất thiện, lia cỡi Sắc. Mặc dù rớt ráo lia cỡi nhưng không rớt ráo dứt phiền não vô ký. Lúc được quả A-na-hàm, rớt ráo lia cỡi, nghĩa là lia dục cỡi Dục, rớt ráo dứt phiền não bất thiện. Lúc được quả A-la-hán, là thời gian rớt ráo lia cỡi, nghĩa là lia cỡi Vô sắc, rớt ráo dứt phiền não vô ký, như bất thiện, vô ký, có báo, không có báo, sinh hai quả, một quả tương ứng với không hổ, không thẹn, không tương ứng với không hổ, không thẹn, phải biết nói cũng giống như thế.

Hỏi: Chín trí dứt, ai bỏ bao nhiêu? Ai được bao nhiêu?

Đáp: Hoặc có người không xả, không được, như người phạm phu.

Hỏi: Trong đây bất luận phạm phu không đáp là phạm phu. Lại có bậc Thánh không xả, không được, như người trụ bản tánh, người thắng tiến cũng giống như thế. Khổ pháp nhãn diệt, khổ pháp trí sinh là thời gian không xả, không được, khổ tử nhãn diệt, khổ tử trí sanh, bấy giờ cũng không xả không đắc. Tập pháp nhãn diệt, tập pháp trí sinh là thời gian được một mà không có cái xả. Tập tử nhãn diệt, tập tử trí sinh là lúc được một mà không xả. Diệt pháp nhãn diệt, diệt pháp trí sinh, là thời gian được một mà không xả. Đạo tử nhãn diệt, đạo tử trí sinh, lúc ấy được một mà không có xả. Đạo pháp nhãn diệt, đạo pháp trí sanh, lúc ấy được một, mà không có xả. Đạo tử nhãn diệt, đạo tử trí sanh, nếu chẳng phải người lia dục được một mà không xả, hoặc là người lia dục bỏ năm, được một nghĩa là thời gian đạo tử trí đã được trí dứt, tức là trí dứt hết kiết. bậc Thánh đã lia dục cỡi Dục, dứt một thứ cho đến tám thứ kiết, không được, xả. Dứt trừ kiết thứ chín là lúc bỏ sáu, được một. nghĩa là trí dứt hết năm kiết phần dưới. Lia dục của Sơ thiên, dứt một thứ cho đến chín thứ kiết, không được, không xả. Đệ Nhị, đệ Tam thiên cũng giống như thế. Lia dục của đệ Tứ thiên, dứt một thứ cho đến tám thứ kiết, không được, xả, dứt trừ kiết thứ chín, được một mà không có xả, như Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ cũng giống như thế. Lia dục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, dứt một

thứ cho đến tám thứ kiết, cũng không được, không xả, khi dứt trừ kiết thứ chín, là bỏ hai được một, nghĩa là trí dứt hết tất cả kiết. Đây là nói lúc thắng tiến, khi thối lui, cũng có bỏ, có được. A-la-hán lúc khởi phiền não cõi Vô sắc thối lui, là bỏ một, được hai, khi khởi phiền não cõi Sắc, thối lui là bỏ một, được một. Lúc khởi phiền não cõi Dục thối lui, tức là bỏ một, được sáu. A-na-hàm lìa ái sắc, khi khởi phiền não cõi Sắc thối lui là đã bỏ một mà không được. Lúc khởi phiền não cõi Dục thối lui, là đã bỏ hai, được sáu. A-na-hàm chưa lìa ái sắc, khi khởi phiền não cõi Dục thối lui là bỏ một được sáu. Lúc thối lui quả Tư-đà-hàm, thì không xả, không được.

Chín trí dứt này, có bao nhiêu trí là quả thiên? Bao nhiêu trí là quả của định Vô sắc? Bao nhiêu trí là quả của cõi gốc, bao nhiêu trí là quả của bên thiên? Bao nhiêu quả là quả của định Vô sắc cõi gốc? Bao nhiêu trí là quả của bên định Vô sắc? Bao nhiêu trí là quả của kiến đạo? Bao nhiêu trí là quả của tu đạo? Bao nhiêu trí là quả của nhãn? Bao nhiêu trí là quả của trí? Bao nhiêu trí là quả của pháp trí? Bao nhiêu trí là quả của tỷ trí? Bao nhiêu trí là phần quả của pháp trí, bao nhiêu trí là phần quả của tỷ trí. Bao nhiêu trí là quả của đạo thế tục? Bao nhiêu trí là quả của đạo vô lậu? Bao nhiêu trí là quả của quả thiên?

Đáp: Chín thiên này và quả quyến thuộc.

Hỏi: Bao nhiêu trí là quả của định Vô sắc?

Đáp: Hai định Vô sắc này và quả quyến thuộc.

Hỏi: Bao nhiêu trí là người của quả thiên cõi gốc?

Đáp: Người A-tỳ-đàm nói rằng: Năm là quả thiên cõi gốc.

Tôn giả Cù-sa đã nói lời: Tám là quả của thiên cõi gốc.

Hỏi: Bao nhiêu trí là người của quả bên thiên?

Đáp: Chín, là vị trí nương dựa, chẳng phải bên thiên khác.

Hỏi: Bao nhiêu trí là người của quả định Vô sắc cõi gốc?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu trí là người của quả bên Vô sắc?

Đáp: Một, nghĩa là bên cạnh Không xứ, chẳng phải bên định Vô sắc khác.

Hỏi: Bao nhiêu trí là người của quả kiến đạo?

Đáp: Bảy.

Hỏi: Bao nhiêu trí là người của quả tu đạo?

Đáp: Có ba.

Hỏi: Bao nhiêu trí là quả của Nhãn?

Đáp: Nên nói như kiến đạo.

Hỏi: Bao nhiêu trí là người của quả trí?

Đáp: Nên nói như tu đạo.

Hỏi: bao nhiêu trí là quả của pháp trí?

Đáp: Có ba.

Hỏi: Bao nhiêu trí là người của quả tỳ trí?

Đáp: Có hai.

Hỏi: Bao nhiêu trí là người của quả phần pháp trí?

Đáp: Sáu.

Hỏi: Bao nhiêu trí là người của quả phần tỳ trí?

Đáp: Năm.

Hỏi: Bao nhiêu trí là người của quả đạo thế tục?

Đáp: Hai.

Hỏi: Bao nhiêu trí là người của quả đạo vô lậu?

Đáp: Chín.

Nếu lìa sắc ái, được chánh quyết định, trí dứt hết ái sắc, thời gian nào mới được?

Tôn giả tăng-già-bà-tu nói rằng: Lúc đạo tỳ trí hiện ở trước là được. Vì sao? Vì đạo tỳ trí cũng là đạo hương, cũng là đạo quả.

Không nên nói như thế, vì trụ ở quả mà nói là hương. Người kia không hề khởi một khoảng sát-na đạo hương hiện ở trước, vì sao nói là đạo hương?

Lại có thuyết nói: Nếu lìa dục của Không xứ, thì lúc này tu thiên vô lậu ở đời vị lai, là thời gian được trí dứt tận ái sắc.

Thuyết này cũng không nên như thế. Vì sao? Vì là thời gian tu đối trị thiên vị lai cõi Vô sắc, không tu đối trị thiên cõi Sắc.

Lại có thuyết nói: Sẽ được quả A-la-hán, trụ trong định Kim cương dụ. Kiết, bị kiến đạo dứt, tu đạo của ba cõi đều đồng một vị, chứng chung giải thoát đắc, là lúc trí dứt hết ái sắc.

Lời bình: Nếu nói rằng: Người kia từ quả, sẽ khởi quả vượt hơn, đạo hiện ở trước, lúc này đã được trí dứt hết ái sắc. Nếu không từ quả, lại khởi quả vượt hơn, thì đạo sẽ hiện ở trước. Người lìa dục của ba thiên, dựa vào địa dưới được chánh quyết định. Nếu người kia qua đời, sẽ sinh trong Tứ thiên. Nếu cõi Vô sắc, người kia không nên thành tựu lạc căn. Nếu vậy thì trái với mười môn đã nói, như nói: Ai thành tựu lạc căn? Hoặc sinh Biến tịnh. Nếu bậc Thánh sinh lên cõi Biến tịnh.

Vì muốn cho không có lỗi như thế, nên từ quả khởi, tất nhiên, khởi đạo quả vượt hơn hiện ở trước, lúc được trí dứt hết ái sắc.

Hỏi: Chín trí dứt gồm nhiếp tất cả trí dứt hay tất cả trí dứt gồm

nhiếp chín trí dứt?

Đáp: Tất cả gồm nhiếp chín, chẳng phải chín gồm nhiếp tất cả. Chín: Như trong đây nói. Tất cả: trí đoạn gồm nhiếp chín trí đoạn, các đoạn khác. Vẫn là nhiều. Ví như đồ đựng to úp vào đồ đựng nhỏ, phần thừa ra cũng nhiều. Tất cả trí dứt kia cũng giống như thế.

Không gồm nhiếp những gì?

Đáp: Người kiến đế đầy đủ là đệ tử của Đức Thế tôn. Người chưa lìa dục, chín trí dứt, do tu đạo dứt lệ thuộc cõi Dục thì không gồm nhiếp. Bậc Thánh khi lìa dục cõi Dục, là đã dứt thứ kiết đầu, cho đến dứt trừ tám thứ kiết. Sự dứt này chẳng thuộc về chín trí đoạn, vì đã lìa ái dục, nhưng chưa lìa ái sắc. Kiết, do tu đạo dứt ở cõi Sắc đã dứt, chẳng phải thuộc về chín trí dứt, vì đã dứt ái sắc, cho đến dứt tám thứ kiết của đệ Tứ thiên. Sự đoạn ấy chẳng phải thuộc về chín trí đoạn, vì đã lìa dục ái, nhưng chưa lìa ái Vô sắc. Kiết, bị tu đạo cõi Vô sắc dứt chẳng thuộc về chín trí đoạn. Đã dứt ái cõi Sắc cho đến Đệ Tứ thiên, dứt tám thứ kiết, dứt ấy chẳng thuộc về chín trí đoạn. Đã lìa ái cõi Sắc, chưa lìa ái cõi Vô sắc và kiết do tu đạo của cõi Vô sắc dứt trừ, chẳng thuộc về chín trí đoạn, lìa dục của Không xứ, cho đến dứt tám thứ kiết của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, sự dứt đó chẳng phải thuộc về chín trí đoạn.

Hỏi: Khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, kiết, bị kiến khổ cõi Dục đã dứt, sự dứt đó chẳng phải thuộc về chín trí dứt, vì sao trong đây không nói?

Đáp: Lẽ ra nói, văn ấy nên nói rằng: Tất cả gồm nhiếp chín, chẳng phải chín gồm nhiếp tất cả.

Không gồm nhiếp những gì?

Đáp: Khổ trí đã sinh, tập trí chưa sinh, phiền não bị kiến khổ ba cõi đã dứt. Sự dứt đó chẳng thuộc về chín trí đoạn. Ngoài ra nói như trên nhưng không nói là có ý gì?

Đáp: Đoạn trong đây nói là dứt của người có trí dứt. Sự dứt kia đều là dứt, nhưng chẳng phải thứ dứt của người có trí đoạn.

Hỏi: Dù nói như thế, nhưng về nghĩa không trọn vẹn. Vì sao? Vì không nói người phạm phu dứt phải chăng?

Đáp: Đây là lược nói, vì hiện mới nhập môn ban đầu, nên nói như thế.

Tám người, là người hưởng quả Tu-đà-hoàn. Người chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm hưởng, trụ quả Tư-đà-hàm. Người hưởng A-na-hàm, người chứng quả A-na-hàm. Người A-la-hán hưởng, người trụ quả A-la-hán.

Hỏi: Danh người có tám, thật thể có mấy?

Đáp: Người A-tỳ-đàm nói rằng: Danh của người có tám, thật thể có năm. Người chứng quả Tu-đà-hoàn hưởng, quả A-la-hán hưởng, danh có hai, thật thể có hai. Quả Tu-đà-hoàn hưởng người chứng quả Tư-đà-hàm, danh có hai, thật thể có một. Quả Tư-đà-hàm hưởng đến người chứng quả A-na-hàm, danh có hai, thật thể có một. Quả A-na-hàm hưởng đến người chứng quả A-la-hán, danh có hai, thật thể có một.

Tôn giả Cù-sa nói rằng: Tám người, danh có tám, thật thể có tám.

Người kia nói rằng: Người Tu-đà-hoàn trụ quả Tu-đà-hoàn, lúc không thắng tiến, thì gọi là người thành tựu quả Tu-đà-hoàn. Nếu khi thắng tiến, thì gọi là hưởng đến người chứng quả Tư-đàm-hàm, bỏ qua Tư-đà-hoàn, người chứng quả Tư-đà-hàm trụ ở quả Tư-đà-hàm lúc không tiến bộ vượt bậc, thì gọi là người thành tựu quả Tư-đà-hàm, nếu khi tiến bộ vượt hơn thì được gọi là hưởng đến người chứng quả A-na-hàm, bỏ qua Tư-đà-hàm. Người A-na-hàm trụ quả A-na-hàm, khi không tinh tiến vượt hơn, thì gọi là người thành tựu quả A-na-hàm, nếu lúc tiến bộ vượt hơn, thì được gọi là hưởng đến người chứng quả A-la-hán, bỏ qua A-na-hàm. Vì sao? Vì căn, nên nói con người khác nhau. Cho nên Luận Sinh trí nói như thế này: Hưởng đến người chứng quả Tư-đà-hàm, nên nói là thành tựu quả Tu-đà-hoàn hay không?

Đáp: Không thành tựu!

Lời bình: Danh của tám người có tám, thật thể có năm, nói như thế là tốt. Như danh, thể, danh số, thể số, danh sai khác, thể sai khác, danh khác, thể khác, danh riêng, thể riêng, biết danh, biết nghĩa, phải biết cũng giống như thế.

Hỏi: Nếu tám người danh có tám, thật thể có năm, thì sao lại nói tám người khác nhau?

Đáp: Vì thực hành Thánh đạo, nên Tu-đà-hoàn nếu đối với quả Tu-đà-hoàn lúc không thắng tiến, thì đối với danh của quả Tu-đà-hoàn, được danh ở thân, danh thành tựu, gọi là hành hiện tiền. Nếu đối với người tinh tiến vượt hơn quả Tu-đà-hoàn, thì lúc này, trụ, hưởng về quả Tu-đà-hoàn, gọi là đắc, danh thành tựu không ở trong thân, thành tựu, danh, hành hiện tiền, cho đến nếu đối với quả A-na-hàm lúc không thắng tiến, thì đối với danh của quả A-na-hàm, được mệnh danh ở trong thân, danh thành tựu, danh, hành hiện tiền. Cho đến đối với quả A-na-hàm, khi không thắng tiến, đối với quả A-na-hàm gọi là đắc danh ở trong thân, gọi là thành tựu, gọi là hiện tiền hành. Nếu đối với người

thắng tiến quả A-na-hàm, thì lúc này, trụ, hướng về quả A-na-hàm, danh được thành tựu, danh không ở trong thân, không thực hành hiện tiền, đối với danh của hưởng, được danh ở trong thân, danh thành tựu, danh, hành hiện tiền, hướng đến người chứng quả Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Đối với chín trí dứt này, bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu? Ở đây, lấy con người làm chương, dùng trí đoạn làm môn?

Đáp: Hoặc không thành tựu, hoặc một, hai, ba, bốn, năm thành tựu, nói rộng như kinh này.

